

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: 121 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 04.33 552070 Fax: 04. 33 515 843



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

MỤC LỤC

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	5
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY	5
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY.....	7
V.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ...	10
VI.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	11
VII.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	11
VIII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	14

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Những sự kiện quan trọng

- ***Đặc điểm tình hình***

Môi trường hiện nay là một vấn đề hết sức cấp bách nó không chỉ trên phạm vi quốc gia mà còn trên phạm vi toàn cầu. Để môi trường luôn được xanh - sạch - đẹp trách nhiệm này không chỉ riêng ai mà nó là trách nhiệm của toàn xã hội.

Nhận thức rõ được vai trò đó, Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông đã thường xuyên nghiên cứu, đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, từng bước tổ chức và hoàn thiện bộ máy, quy trình sản xuất, nâng cao năng lực, chất lượng nguồn nhân lực nhằm phát triển bền vững và đáp ứng phù hợp với sự phát triển kinh tế của thủ đô.

- ***Việc thành lập***

Ngày 29/07/1986, UBND Thị xã Hà Đông có quyết định số 148/QĐ-UB thành lập Công ty Công viên dịch vụ công cộng Thị xã Hà Đông trên cơ sở sáp nhập đội vệ sinh với một bộ phận của Phòng Quản lý nhà đất và sau đó là Phòng giao thông Thị xã. Công ty hoạt động với chức năng chủ yếu lúc mới thành lập là: Thu gom xử lý rác thải, thu gom phân, vệ sinh nhà vệ sinh công cộng, chăm sóc quản lý cây xanh đô thị, quản lý điện chiếu sáng công cộng, quản lý nghĩa trang và công tác tang lễ trong khu vực nội thị.

- ***Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần***

Ngay từ đầu năm 2007, Công ty Môi trường đô thị Hà Đông đã tổ chức hội nghị BCH Đảng ủy và cán bộ chủ chốt công ty thống nhất xây dựng kế hoạch triển khai các bước công việc theo quy trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

Đến tháng 6 năm 2007, UBND tỉnh Hà Tây có quyết định 976/QĐ-UBND phê duyệt phương án Cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường đô thị Hà Đông thành công ty cổ phần.

1.2. Quá trình phát triển

• *Ngành nghề kinh doanh*

- ↓ Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải đô thị, công nghiệp.
- ↓ Xử lý môi trường làng nghề
- ↓ Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông.
- ↓ Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- ↓ Dịch vụ vui chơi, giải trí công viên.
- ↓ Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ.
- ↓ Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân, dịch vụ tang lễ.
- ↓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sử dụng hoặc đi thuê
- ↓ Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình.
- ↓ Lắp đặt hệ thống điện
- ↓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sôi và điều hoà không khí.
- ↓ Phá dỡ.
- ↓ Chuẩn bị mặt bằng.

• *Tình hình hoạt động*

Cùng với quá trình chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần - cũng là giai đoạn Hà Tây chính thức sáp nhập về Hà Nội, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông được giao nhiệm vụ đảm bảo vệ sinh môi trường và các dịch vụ công ích khác trên địa bàn toàn thành phố Hà Đông nay là Quận Hà Đông gồm 17 phường với diện tích gần 50km².

1.3. Định hướng phát triển

• *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

Với mục tiêu "Nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh, thực hiện các chỉ tiêu: doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập của người lao động hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra" nhằm xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, góp phần xây dựng Quận Hà Đông luôn văn minh "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp".

• *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

Công ty định hướng ngoài nhiệm vụ đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn Quận do UBND Quận Hà Đông giao, Công ty tiếp tục hướng tới phát triển trong một số lĩnh vực khác như tham gia đầu tư nâng cấp đường giao thông, xây dựng khu văn phòng và nhà ở cao cấp... nhằm nâng cao năng lực hoạt động, vị thế của công ty.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch
- 2.2. Những thay đổi chủ yếu trong năm
 Cổ phiếu của Công ty chính thức đi vào giao dịch trên thị trường UpCom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 10/2/2011.
- 2.3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

3.1. Báo cáo tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	51,39	60,36
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	48,61	39,64
1.2. Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	42,7	56,57
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	57,3	43,43
2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,23	1,115
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,18	0,16
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,43	6,93

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	34,8	31,81
- Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,9	9,16

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010)

↳ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

Khả năng thanh toán chung của Công ty qua các năm luôn ổn định trong khoảng 1,1 lần cho thấy Công ty khá chủ động trong việc thực hiện các nghĩa vụ trả nợ.

↳ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Nguồn vốn từ nợ trong đó nợ vay chiếm tỷ trọng nhỏ mà chủ yếu là các khoản phải trả khác.

↳ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Tỷ số về năng lực hoạt động của Công ty tương đối ổn định qua các năm.

↳ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Ta thấy khả năng sinh lời của Công ty có xu hướng giảm nhẹ. Các tỷ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty trong hai năm đều ở mức tương đối cao, điển hình là tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu luôn đạt trên 30%.

• **Những thay đổi về vốn góp cổ đông:**

Trong năm 2010, không có sự biến động về tỷ lệ sở hữu của Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ)

• **Tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành năm 2010 theo từng loại:**

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông không thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

• **Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:**

- + Cổ phiếu phổ thông: 1.477.750 cổ phiếu
- + Cổ phiếu ưu đãi: không có

• **Cổ tức:**

Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010, ngày 24/07/2010, Công ty đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 với mức chi trả cổ tức dự kiến là 20%.

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

4.1. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		25.773.325.928	16.031.857.646
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.748.216.382	8.858.291.244
1. Tiền	111	5.1	3.748.216.382	8.858.291.244
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.593.006.560	6.160.493.512
1. Phải thu khách hàng	131		17.864.862.677	5.156.810.644
2. Trả trước cho người bán	132		374.714.701	371.441.701
3. Các khoản phải thu khác	135	5.2	353.429.182	632.241.167
IV- Hàng tồn kho	140		862.385.786	601.817.469
1. Hàng tồn kho	141	5.3	862.385.786	601.817.469
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.569.717.200	411.255.421
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	186.036.200	10.015.421
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	2.383.681.000	401.240.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220)	200		16.928.669.984	15.044.161.672
II Tài sản cố định	220		16.928.669.984	15.044.161.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	12.898.002.893	11.217.110.571
- Nguyên giá	222		28.333.252.894	23.281.723.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.435.250.001)	(12.064.613.407)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	4.030.667.091	3.827.051.101
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		42.701.995.912	31.076.019.318

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		24.155.200.221	14.175.944.604
I- Nợ ngắn hạn	310		23.105.879.635	13.912.471.185
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	931.782.114	-
2. Phải trả người bán	312		5.098.671.220	4.209.898.189
3. Người mua trả tiền trước	313		702.470.000	2.400.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1.740.862.043	2.073.950.408
5. Phải trả người lao động	315		7.474.800.479	1.127.932.742
6. Chi phí phải trả	316		40.000.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	6.296.068.260	5.676.072.354
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		821.225.519	822.217.492
II- Nợ dài hạn	330		1.049.320.586	263.473.419
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		591.888.786	263.473.419
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		457.431.800	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		18.546.795.691	16.900.074.714
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.11	18.510.985.074	16.864.264.097
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.777.500.000	14.777.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.576.498.349	1.278.436.022
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.014.759.519	719.745.354
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		142.227.206	88.582.721
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.810.617	35.810.617
1. Nguồn kinh phí	432		35.810.617	35.810.617
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		42.701.995.912	31.076.019.318

Dinh Văn Tiến

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011



Vũ Thị Mai

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		85.180.334.769	62.246.699.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.150.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.12	85.175.184.769	62.246.699.187
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	70.721.383.638	52.210.610.866
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.453.801.131	10.036.088.321
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	98.864.889	82.638.273
7. Chi phí tài chính	22	5.15	83.755.080	12.383.920
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.755.080	12.383.920
8. Chi phí bán hàng	24		743.155.411	819.470.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.924.689.556	3.742.234.458
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		7.801.065.973	5.544.638.016
11. Thu nhập khác	31	5.16	74.978.434	2.835.227.700
12. Chi phí khác	32	5.17	9.000.000	550.033.049
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		65.978.434	2.285.194.651
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.867.044.407	7.829.832.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	1.966.761.102	1.957.458.167
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.900.283.305	5.872.374.500
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	3.993	4.135



Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011


 Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	73.854.601.264	58.280.582.558
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(32.136.136.916)	(14.892.901.414)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.589.665.720)	(20.535.296.217)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(83.755.080)	(12.383.920)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.323.051.570)	(922.597.722)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	797.465.667	5.446.043.917
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.599.001.486)	(19.405.144.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	920.456.159	7.958.302.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.694.043.316)	(9.674.075.870)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	257.779.173
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	98.864.889	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.595.178.427)	(9.416.296.697)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	800.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	931.782.114	1.103.162.412
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.913.048.298)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.367.134.708)	(3.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.435.352.594)	(13.545.886)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(5.110.074.862)	(1.471.540.127)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.858.291.244	10.329.831.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	3.748.216.382	8.858.291.244



Đình Văn Tiến
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

(Signature)
Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng

V. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5.1. Kiểm toán độc lập

✓ Đơn vị kiểm toán độc lập:

- Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam – CPA Việt Nam
- Địa chỉ: Số 17, Lô 2C, Khu đô thị Trung Yên, Phố Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 04.37832121
- Fax: 04.37832122
- Web: www.cpavietnam.vn

✓ Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

✓ Các nhận xét đặc biệt: Không có

5.2. Kiểm toán nội bộ

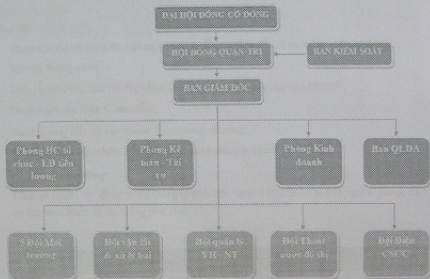
- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không có
- Các nhận xét đặc biệt: Không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- 6.1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
Không có.
- 6.2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
Không
- 6.3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan
Không có.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

7.1. Cơ cấu tổ chức của công ty



7.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ban điều hành công ty hiện nay gồm 5 thành viên:

Ông Đinh Văn Tiến	: Chủ tịch HĐQT - Giám đốc
Năm sinh	: 24/03/1957
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Ông Bùi Đình Mạnh	: Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh	: 04/04/1959
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ khí
Bà Vũ Thị Viễn	: Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh	: 10/1958
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Luật
Bà Vũ Thị Mai	: Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng
Năm sinh	: 05/10/1969
Trình độ văn hóa	: 12/12

Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Bà Lê Thị Minh Hương	: Ủy viên HĐQT
Năm sinh	: 8/1963
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế

7.3. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm

Trong năm 2010, Bà Lê Thị Minh Hương được bầu bổ sung vào HĐQT.

7.4. Quyền lợi của Ban Giám đốc

Được hưởng đầy đủ các khoản Tiền lương, thưởng.

7.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

• Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2010 là 531 người. Trong đó cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	35	6,6
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	57	10,73
3	Lao động phổ thông	439	82,67
	Tổng	531	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông)

• Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

↳ Chế độ làm việc

- o Tất cả cán bộ công nhân viên đều được ký hợp đồng lao động, đóng BHXH, BHYT và BHTN theo qui định. Ngoài ra Công ty còn tham gia thêm bảo hiểm kết hợp con người 24/24 cho tất cả CBCNV.
- o Công ty thực hiện chế độ 6 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày, một ngày có 3 ca, mỗi ca 8 giờ.
- o Đối với cán bộ, nhân viên, công nhân trong thời gian nghỉ thai sản vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội. Đối với CBCNV chăm sóc con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày.

↳ Chính sách lương thưởng

- o Công ty trả lương theo Quy chế trả lương đã được Hội đồng quản trị phê duyệt các hình thức. Đối với cán bộ quản lý là chức vụ hiện giữ và hạng mới của doanh nghiệp

đồng thời gắn với nhiệm vụ phân công, kết quả thực hiện nhiệm vụ chung của toàn Công ty.

- Lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty căn cứ vào:
- + Quỹ tiền lương của công ty đã được phê duyệt
- + Kết quả hoạt động SXKD và lương bình quân toàn công ty hàng năm để có những điều chỉnh phù hợp.
- Lương của bộ phận CBCNV các phòng ban nghiệp vụ, kế toán đội, nhân viên thu phí vệ sinh:

Công ty trả lương theo thời gian dựa trên thang bảng lương nhà nước tùy thuộc vào bậc lương của mỗi cá nhân và năng lực làm việc của từng cũng như tính chất công việc, nhiệm vụ được phân công. Đây là hình thức trả lương theo công việc gắn với mức độ phức tạp, tính trách nhiệm của công việc, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn đòi hỏi phải thể hiện ở mức độ hoàn thành, hiệu quả công tác và số ngày công thực tế.

- Lương của các bộ phận lao động trực tiếp:

Cơ sở để tính lương cho người lao động trực tiếp sản xuất là danh mục nghề và tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, mức tiền lương phải được đánh giá theo chất lượng của từng loại công việc, khối lượng hoàn thành để trả lương cho phù hợp, tránh sự chênh lệch bất hợp lý làm mất công bằng trong công ty. Vì vậy, công ty đã nghiên cứu và nhóm thành các nhóm lương để trả cho người lao động. Tùy theo tính chất công việc nên nhóm lương của các bộ phận có mức tiền lương khác nhau.

- o Bên cạnh việc chi trả lương định kỳ hàng tháng cho cán bộ công nhân viên, Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông còn áp dụng các chế độ thưởng nhằm tạo động lực cho cán bộ công nhân viên:
 - Thưởng khi có sáng kiến cải tiến kỹ thuật mang lại lợi ích cho Công ty.
 - Hàng năm Công ty tiến hành bình xét thi đua, xếp loại danh hiệu thi đua cho cá nhân và tập thể trong công ty để thực hiện khen thưởng cuối năm
 - Nhân các ngày lễ lớn: Công ty chi một khoản tiền cho CBCNV công ty ngoài tiền lương nhằm động viên tinh thần làm việc CBCNV;
- o Công ty có thực hiện các chế độ cho người lao động như chế độ bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị các phương tiện bảo hộ lao động, trang phục làm việc,...
- o Tổ chức cho CBCNV- LD đi tham quan học tập công tác VSMT trong nước và nước ngoài.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

• Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Vũ Thị Viễn	Ủy viên HĐQT
3	Ông Bùi Đình Mạnh	Ủy viên HĐQT
4	Bà Vũ Thị Mai	Ủy viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Minh Hương	Ủy viên HĐQT

↙ Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2010 vừa qua, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc đã phối hợp xác định, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và sắp xếp phù hợp với từng giai đoạn, theo từng thời điểm. Bên cạnh đó, lực lượng cán bộ, công nhân luôn được bố trí đầy đủ, tuân thủ nghiêm túc theo kế hoạch sản xuất kinh doanh.

↙ Thủ lao của HĐQT (được thông qua tại ĐHCĐ hàng năm)

- **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về kế toán tài chính. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Hạnh	Trưởng BKS
2	Ông Phạm Trung Thành	Thành viên BKS
3	Bà Đỗ Thị Thắng	Thành viên BKS

↙ Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2010, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị & đưa ra những đề xuất đúng trên lợi ích của Quý Cổ đông.
- Tham gia các buổi làm việc của lãnh đạo Công ty về chiến lược, kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.

Xem xét các báo cáo kinh doanh do Ban Giám đốc và Phòng Kế toán Tài vụ chuẩn bị.

↙ Thủ lao của BKS (được thông qua tại ĐHCĐ hàng năm)

8.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông đến ngày 07/04/2011:

- **Cơ cấu cổ đông**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Trong nước				
1	Tổ chức	792.852	7.928.520.000	53,65%
	<i>Tổ chức Nhà nước</i>	792.852	7.928.520.000	53,65%
	<i>Tổ chức khác</i>	-	-	-
2	Cá nhân	684.898	6.848.980.000	46,35%
	<i>Cá nhân trong Công ty</i>	547.474	5.474.740.000	37,05%
	<i>Cá nhân ngoài Công ty</i>	137.424	1.374.240.000	9,3%
Ngoài nước				
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
	Tổng	1.477.750	14.777.500.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông)

- Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không có

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH HĐQT- GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG



[Handwritten Signature]
GIÁM ĐỐC
Dinh Văn Kiên